TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2025/HS-ST
Ngày: 26-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tuyên

Bà Long Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Vĩnh Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn O (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 19 tháng 3 năm 1974 tại xã T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn T, sinh năm 1952 và bà Lý Thị L, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ là Bàn Thị T1, sinh năm 1971, và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Năm 2025, bị Công an xã T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 04/QĐ-XPHC ngày 11/7/2025.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/9/2025 cho đến nay tại xã T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

2. Bàn Văn H (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 13 tháng 7 năm 1998 tại xã B, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn V, xã B, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Văn T2, sinh năm 1969 và bà Triệu Thị L1, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 2024, bị Công an xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 04/12/2024. Đến ngày 05/6/2025, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Ngày 20/8/2025, bị Công an xã N, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định số 02/QĐ-XPHC, chưa chấp hành.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/9/2025 cho đến nay tại xã B, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn O:* Ông Sầm Đức T3 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T4, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

** Bị hại:* Ông Lý Phú L2, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Thiện P, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Xóm Y, xã P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt có lý do).

- Bà Bàn Thị T1, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, Công an xã B tiếp nhận tố giác về tội phạm của ông Lý Phú L2 với nội dung: Khoảng 14 giờ ngày 12/7/2025, ông L2 để chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu Wave, BKS: 97F8-1780 tại lề đường thuộc thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên, đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/7/2025 thì phát hiện xe mô tô bị mất trộm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1821/KL-HĐĐG ngày 18/8/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại JC43, màu sơn đỏ - đen - xám, số máy: JC43E1259179, số khung: JC4317AY614375, năm sản xuất 2010, dung tích xi lanh 109 cm^3 tại thời điểm ngày 13/7/2025 có trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Quá trình điều tra truy xét, Cơ quan điều tra xác định được Triệu Văn O thường đi qua đoạn đường ĐT252B thuộc thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên, nhìn thấy chiếc xe mô tô của ông Lý Phú L2 thường xuyên để gần đường tại khu đất trống không có nhà dân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Do không biết chỗ tiêu thụ nên khoảng 19 giờ 00 phút ngày 12/7/2025, O đến gặp Bàn Văn H tại cơ sở sửa xe máy "Hoàn Thiện" tại thôn K, xã B của ông Hoàng Quốc H1, sinh năm 1957, tạm trú thôn K, xã B (nơi thường trú tại xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên) và kể cho H việc O có ý định trộm cắp xe mô tô của ông L2 nhưng không biết chỗ tiêu thụ tài sản, nếu H có chỗ tiêu thụ xe thì O và H sẽ cùng đi trộm cắp mang bán, H sẽ hưởng lợi 60% số tiền, O hưởng 40%, H đồng ý và chuẩn bị các dụng cụ để trộm

cắp xe mô tô gồm bật lửa, kìm sắt, bình sơn xịt màu đen, một chiếc biển kiểm soát 19K1-3952.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave α, màu xanh, BKS: 11K1- 020.41 của O chở O đi về nhà H để ngủ, chờ đến đêm sẽ đi trộm cắp xe mô tô của ông L2. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/7/2025, O gọi Hữu dậy lấy dụng cụ đã chuẩn bị trước để đi trộm cắp xe mô tô. Sau khi đã chuẩn bị dụng cụ để mang theo, H điều khiển xe của O chở O di chuyển từ nhà của H theo hướng đi xã B, khi đến thôn H, xã B, gần khu vực để chiếc xe máy của ông L2 thì H dừng xe đổi lái cho O rồi đi tiếp. Khi đến vị trí xe máy của ông L2, O điều khiển xe đi chậm lại đồng thời lấy tay đập vào đùi H rồi chỉ tay về phía xe mô tô có phủ bạt che thì H hiểu ý đây là xe của ông L2. H xuống xe đi bộ đến vị trí xe mô tô, còn O điều khiển xe di chuyển về phía trước khoảng 350m thì dừng lại chờ. H dùng tay kéo tấm bạt che và dắt chiếc xe mô tô đi đến khu đất trống On đang đợi. Tại đây, O cầm một chiếc đèn pin của mình soi sáng để H lấy bật lửa đốt dây điện ở phía sau ổ khóa điện rồi nối dây điện nguồn ổ khóa, đề nổ được xe mô tô, lấy lọ sơn đã chuẩn bị xịt vào phần đầu xe để thay đổi nhận dạng xe, sau đó H lấy kìm sắt tháo biển kiểm soát xe 97F8-1780 để lắp bằng biển kiểm soát 19K1-3952 và tháo 02 gương chiếu hậu rồi vứt cùng 02 ốp biển số xe, 02 lọ sơn xịt, biển kiểm soát xe 97F8-1780 vừa tháo ở gần đó. Sau đó, H điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được đi trước, còn O điều khiển xe mô tô của mình đi sau, khi đi đến đường Q, đoạn đường rẽ vào Khu AB cũ (nay là thôn B, xã B) được khoảng 400m thì H rẽ trái đi theo đường mòn xuống suối, cất giấu xe mô tô trộm cắp được tại đây rồi đi bộ lên đường chờ O đến đón đi về ngủ tại nhà ông Triệu Văn N, địa chỉ thôn K, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/7/2025, H cùng O dậy, điều khiển xe máy của O cùng nhau đi ra cơ sở sửa xe máy "Hoàn Thiện", Hữu mượn điện thoại của Hoàng Quốc H1 gọi điện cho Nguyễn Thiện P nói có chiếc xe mô tô muốn bán cho P và P đồng ý mua. Sau đó khoảng hơn 11 giờ 00 phút cùng ngày, H và O đi lấy chiếc xe mô tô đã trộm cắp được đến ngã ba Bản T để gửi xe khách "Oanh H2" vận chuyển đến xã P, tỉnh Thái Nguyên cho P, sau đó cả hai quay lại cửa hàng xe máy "H". Tại đây, H mượn điện thoại của ông H1 gọi cho P nói gửi tiền vào số tài khoản của ông H1, H hỏi mượn số tài khoản của ông H1 rồi nhắn tin gửi cho P. Sau khi P nhận được xe đã chuyển số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho H qua số tài khoản Ngân hàng của ông H1. Nhận được số tiền 1.500.000 đồng thì H trả nợ cho ông H1 số tiền 400.000 đồng đã nợ trước đó (số tiền này ông H1 đã sử dụng để tiêu dùng cá nhân hết). Ông H1 đưa cho H số tiền 1.100.000đ, H chia cho O số tiền 250.000 đồng, còn lại số tiền 850.000 đồng, cả O và H đã sử dụng để tiêu dùng cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-KV8, ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Triệu Văn O phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Bàn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại về việc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Lý Phú L2 đối với những hư hỏng của chiếc xe môtô của bị hại như sửa chữa đề xe, biển số xe, ốp biển số, sơn lại xe...với tổng số tiền 1.500.000 đồng. Trong đó, bị cáo O bồi thường số tiền 400.000 đồng, bị cáo H bồi thường số tiền 1.100.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện P về việc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh P tổng số tiền 1.500.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 750.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 bình sơn; 01 chiếc kìm; 01 tấm ốp biển số bằng nhựa trong suốt; 01 tấm ốp biển số xe bằng kim loại, 01 biển số xe máy 19K1-3952.

Trả lại cho bị hại Lý Phú L2: 01 xe mô tô, 02 gương chiếu hậu xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, xe máy, 01 biển số xe máy 97F8-1780.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước ½ giá trị của chiếc xe môtô BKS 11K1-020.41, trả lại ½ giá trị của chiếc xe môtô cho bà Bàn Thị T1 sau khi đã hóa giá. Tạm giữ 01 chìa khóa xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, 01 giấy bán, cho, tặng xe để đảm bảo thi hành án đối với chiếc xe.

Tạm giữ số tiền 750.000 đồng bị cáo Triệu Văn O đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo O.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn O có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn O mức hình phạt từ 06 đến 08 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện P yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng do anh P đã bỏ ra để mua chiếc xe các bị cáo trộm cắp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bàn Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe môtô BKS: 11K1- 020.41 và giấy tờ liên quan đang bị tạm giữ cho bà T1.

Các bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận. Lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn O trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 13/7/2025, tại thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên, Triệu Văn O và Bàn Văn H đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại JC43, màu sơn đỏ - đen - xám, số máy: JC43E1259179, số khung: JC4317AY614375, năm sản xuất 2010, dung tích xi lanh 109 cm^3, biển kiểm soát 97F8-1780 của ông Lý Phú L2 có trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) đem bán được số tiền 1.500.000 đồng chia nhau tiêu dùng cá nhân.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về vai trò trong vụ án là đồng phạm giản đơn, trong đó Triệu Văn O là người khởi xướng, chỉ điểm tài sản, giúp sức còn Bàn Văn H là người thực hiện hành vi trộm cắp và liên lạc để bán tài sản.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo: các bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, cần tiền tiêu dùng cá nhân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, là đối tượng nghiện chất ma túy nên đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, hình phạt đối với các bị cáo

Bị cáo Triệu Văn O đang có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, là đối tượng nghiện chất ma túy, đang bị quản lý theo quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Bàn Văn H có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị xử phạt vi phạm hành chính, hiện chưa chấp hành quyết định xử phạt.

Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước phiên tòa, bị cáo Triệu Văn O đã tự nguyện nộp số tiền 750.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại, do đó, bị cáo O được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, bị cáo O có tiền sự, bị cáo H có nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà tiếp tục phạm

tội thể hiện các bị cáo là người coi thường pháp luật, nên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức hình phạt người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo Triệu Văn O còn thấp, chưa đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên không đủ căn cứ áp dụng.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với những hư hỏng của chiếc xe môtô của bị hại như sửa chữa đề xe, biển số xe, ốp biển số, sơn lại xe...với tổng số tiền 1.500.000 đồng. Các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại, trong đó, bị cáo O bồi thường số tiền 400.000 đồng, bị cáo H bồi thường số tiền 1.100.000 đồng.

Trong đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện P yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng anh P đã mua chiếc xe môtô. Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh P, trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 750.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận, xét đây là sự tự nguyện của các bên, có căn cứ và hợp pháp, do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với 02 bình sơn, 01 chiếc kìm là các vật chứng các bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 ốp biển số xe (01 bằng nhựa trong suốt, 01 bằng kim loại) là bộ phận bị tháo rời từ chiếc xe của bị hại, xét đây là tài sản hợp pháp của bị hại, tuy nhiên 02 ốp biển số này đã bị móp méo, không còn giá trị, bị hại không có yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA (không gắn biển kiểm soát), 02 chiếc gương chiếu hậu của xe mô tô, 01 biển số xe máy 97F8-1780, 01 đăng ký xe mô tô, xe máy của chiếc xe là tài sản hợp pháp của bị hại, bị hại có đề nghị được trả lại nên cần trả cho bị hại ông Lý Phú L2.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô biển số đăng ký 11K1- 020.41, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bàn Thị T1 có đề nghị xem xét trả lại chiếc xe cho bà T1. Xét chiếc xe là phương tiện 02 bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Về nguồn gốc, chiếc xe là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng bị cáo Triệu Văn O. Quá trình điều tra xác định bà T1 (vợ bị cáo O) không biết việc bị cáo dùng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước ½ giá trị của chiếc xe

môtô, trả lại ½ giá trị của chiếc xe môtô cho bà T1 sau khi đã hóa giá. Đối với chìa khóa xe, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy bán, cho, tặng xe có liên quan cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với chiếc xe.

Đối với 01 biển số xe máy 19K1-3952, số màu đen, nền trắng, quá trình giải quyết không xác định được chủ sở hữu, đã bị vứt bỏ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Thiện P là người đã mua chiếc xe mô tô các bị cáo trộm cắp đem bán, khi mua, P không biết là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, không hứa hẹn gì với các bị cáo. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Hoàng Quốc H1, người đã cho bị cáo H mượn điện thoại, mượn số tài khoản để bị cáo H trao đổi bán và nhận tiền bán chiếc xe, nhận số tiền 400.000 đồng do bị cáo H bán chiếc xe mà các bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, ông H1 không biết bị cáo H sử dụng điện thoại, số tài khoản ngân hàng của mình để giao dịch bán tài sản trộm cắp mà có, không biết nguồn gốc số tiền bị cáo H trả cho mình. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, các bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn O và Bàn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Xử phạt bị cáo Triệu Văn O 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Xử phạt bị cáo Bàn Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lý Phú L2 tổng số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, bị cáo Triệu Văn O phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), bị cáo Bàn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện P. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thiện P tổng số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, mỗi bị cáo (Triệu Văn O, Bàn Văn H) phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bình sơn dạng xịt loại sơn màu đen, nhãn hiệu ATM Spray.

- 01 (một) bình sơn dạng xịt loại sơn màu đen, nhãn hiệu HI-TEMP SPRAY PAINT.

- 01 (một) chiếc kìm điện bằng kim loại, một bên tay nắm có bọc cao su màu đỏ, một bên không có.

- 01 (một) biển số xe máy 19K1-3952, số màu đen, nền trắng.

- 01 (một) tấm ốp biển số xe máy bằng nhựa trong suốt.

- 01 (một) tấm ốp biển số xe máy bằng kim loại.

3.2. Trả lại cho bị hại Lý Phú L2:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại JC43, màu sơn: Đỏ - Đen - Xám, số máy JC43E1259179, số khung JC4317AY614375, năm sản xuất 2010, dung tích 109cm^3, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003297 mang tên BÀN VĂN NIỆM, địa chỉ: Khu A, V, N.

- 01 (một) biển số xe máy 97 F8-1780, số màu đen, nền trắng.

- 01 (một) gương chiếu hậu xe mô tô có ốp nhựa màu đen, loại chân gương cao.

- 01 (một) gương chiếu hậu xe mô tô có ốp nhựa màu đen, loại chân gương thấp.

3.3. Tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách nhà nước:

- ½ (một phần hai) giá trị của chiếc xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn: Xanh - Đen - Bạc, số máy 3205200, số khung 405104, dung tích 97cm^3, biển số 11K1-020.41.

Trả lại cho bà Bàn Thị T1, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng: ½ (một phần hai) giá trị của chiếc xe hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại

WAVE, màu sơn: Xanh - Đen - Bạc, số máy 3205200, số khung 405104, dung tích 97cm^3, biển số 11K1-020.41 sau khi đã hóa giá

3.4. Tiếp tục tạm giữ:

- 01 (một) chìa khóa xe

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000944 mang tên HOÀNG THỊ NHAN, địa chỉ: N, Đ, T, Cao Bằng

- 01 (một) Giấy bán, cho, tặng xe của cửa hàng xe máy Tuấn H3, đề ngày 14/3/2025 đối với chiếc xe máy hai bánh, biển số 11K1-020.41, nhãn hiệu HONDA

Để đảm bảo thi hành án đối với chiếc xe môtô biển kiểm soát 11K1-020.41.

3.5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 750.000 đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Triệu Văn O đã nộp theo biên lai thu số 0000820, ngày 15/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Triệu Văn O.

(Tình trạng, số lượng vật chứng *như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thái Nguyên.*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo được miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên (PC10);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ